

Bản án số: 396/2023/HSPT

Ngày: 14/9/2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Kim Liên

Các Thẩm phán: ông Phạm Việt Cường

ông Phạm Tồn

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Minh Nhật, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Đoàn Minh Lộc, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần trụ sở TAND tỉnh Quảng Nam. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa trực tuyến xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 347/2023/TLPT-HS ngày 24 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo Huỳnh Thị Ngọc L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” do có kháng cáo của bị cáo, bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2022/HSST ngày 05/9/2022 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:

Huỳnh Thị Ngọc L, sinh năm 1985; nơi ĐKKHKT: khối phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; chỗ ở: khối phố P, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; con ông Huỳnh Thái L1 (sinh năm 1956) và bà Nguyễn Thị Thu H (sinh năm 1965); chồng: Nguyễn Hoài L2 (sinh năm 1981); có 02 con (lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2012). Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: bà Mai Thị T - Luật sư thuộc Công ty L3. Có mặt.

- Người bị hại: bà Bùi Thị H1, sinh năm 1981.

Trú tại: khối phố T, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Huỳnh Thị Ngọc L và bà Bùi Thị H1 có mối quan hệ quen biết nhau khi L làm cộng tác viên của Công ty T2. Tháng 6/2019, lúc này L đang làm cộng tác viên tại khối tín dụng Fico Ngân hàng T3 Chi nhánh Q; L gọi điện thoại cho bà H1 nói: “Em làm cây hồ sơ mà thiếu tiền, chị có tiền cho em vay” (L hỏi vay tiền của bà H1 để làm đảo hạn ngân hàng) thì bà H1 đồng ý. Chiều ngày 30/6/2019, bà H1 và L gặp nhau tại quán C (đường Đ, thành phố T). Tại đây, L hỏi vay bà H1 số tiền 40.000.000đồng để làm đảo hạn ngân hàng cho khách. Bà H1 giao tiền cho L, L viết giấy mượn tiền đưa cho bà H1 giữ, đồng thời giao cho bà H1 sổ hộ khẩu gia đình và chứng minh nhân dân của L để làm tin. Đối với khoản vay này, L trả lãi cho bà H1 đầy đủ khiến bà H1 tin tưởng. Sau đó, cũng với thủ đoạn trên, L đã tiếp tục vay tiền của bà H1 nhiều lần. Từ ngày 30/6/2019 đến ngày 20/10/2019, L vay của bà H1 07 lần với số tiền tổng cộng 825.000.000đồng. Tất cả các lần vay tiền, L đều viết “Giấy mượn tiền” giao cho bà H1 giữ.

Đến tháng 11/2019, L không trả tiền lãi cho bà H1 nữa. Bà H1 yêu cầu L trả lại tiền gốc, L hứa hẹn nhiều lần nhưng không trả. Ngày 11/02/2021, bà H1 đến nhà L đòi tiền thì L có viết cho bà H1 một tờ giấy xác nhận số tiền nợ bà H1 là 825.000.000đồng và hẹn đến ngày 10/5/2021 sẽ trả trước cho bà H1 số tiền 125.000.000đồng nhưng đến hẹn, L không trả tiền, bỏ đi khỏi địa phương và cắt đứt liên lạc với bà H1 nên bà H1 làm đơn tố giác.

Số tiền vay của bà H1, L không làm đảo hạn ngân hàng như đã nói mà L khai là đưa cho Mai Thị Phương T1 (sinh năm 1987; trú huyện N, địa chỉ cụ thể L không nhớ, L chỉ nghe T1 nói là T1 làm việc tại Ngân hàng A chi nhánh Q) vay lại để T1 làm đảo hạn ngân hàng và L hưởng chênh lệch lãi suất 1.0%/ngày nhưng do T1 vỡ nợ bỏ đi, không trả tiền gốc và lãi cho L dẫn đến L không có tiền trả lại cho bà H1. Giấy tờ đưa tiền cho T1 vay, L đã làm thất lạc.

L khai lãi suất L vay của bà H1 từ 4.0%/ngày đến 6.0%/ngày, L trả tiền lãi cho bà H1 bằng cách chuyển vào tài khoản ngân hàng của bà H1 và đưa tiền mặt nhưng không nhớ cụ thể số tiền là bao nhiêu và cũng không có người chứng kiến. Bà H1 khai chỉ cho L vay với lãi suất 4.0%/tháng với tất cả các khoản vay, bà H1 đã nhận được tổng cộng 26.600.000đồng tiền lãi do L chuyển vào tài khoản Ngân hàng P số 0101100000622007 của bà H1, không nhận bằng tiền mặt. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được nhân thân, lai lịch của Mai Thị Phương T1 như L đã khai. Như vậy, ngoài lời khai của L thì không có chứng cứ chứng minh việc L đưa tiền cho T1.

Tại Bản kết luận giám định số 124/PC09 ngày 12/8/2021 của Phòng K Công an tỉnh Q kết luận: chữ ký, chữ viết đúng tên Huỳnh Thị Ngọc L trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A8 so với chữ viết, chữ ký đúng tên Huỳnh Thị Ngọc L (chữ ký, chữ viết bằng mực màu xanh) trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 là do cùng một người ký, viết ra.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2022/HSST ngày 05/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Huỳnh Thị Ngọc L 12 (mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về bồi thường dân sự, xử lý vật chứng, trách nhiệm thi hành án, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/9/2022, bị cáo Huỳnh Thị Ngọc L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì cho rằng án sơ thẩm xử nặng.

Ngày 19/9/2022, bị hại bà Bùi Thị H1 kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo L vì bị cáo không bồi thường.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo, bị hại bà Bùi Thị H1 giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về việc giải quyết vụ án: sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo L xuất trình tài liệu bị tai nạn giao thông, hiện tình trạng sức khỏe yếu và bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại với số tiền 3.000.000đồng. Đây là tình tiết mới, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt. Do chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo nên kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt của bị hại không được chấp nhận.

Luật sư Mai Thị T bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo L, giảm cho bị cáo một phần hình phạt vì bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bồi thường 3.000.000đồng cho bị hại và bị cáo bị tai nạn giao thông, hiện sức khỏe yếu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Huỳnh Thị Ngọc L khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Thông qua mối quan hệ quen biết với bà Bùi Thị H1 và lợi dụng việc là cộng tác viên của khối tín dụng Fico Ngân hàng T3 Chi nhánh Q, L đã dùng thủ đoạn đưa ra thông tin gian dối là cần tiền đáo hạn Ngân hàng cho khách để bà H1 tin tưởng cho L vay tiền. L trả lãi đầy đủ thời gian đầu để bà H1 tin tưởng tiếp tục cho vay thêm tiền, tổng cộng là 825.000.000đồng. Số tiền vay được, L không đáo hạn ngân hàng như đã nói với bà H1 mà L khai đưa cho Mai Thị Phương T1 vay lại để T1 đáo hạn ngân hàng, L hưởng chênh lệch lãi suất 1%/ngày. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được nhân thân, lai lịch của Mai Thị Phương T1 như L khai. Ngoài lời khai của L thì không có chứng cứ chứng minh việc L đưa tiền

cho T1 vay. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có cơ sở, đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo và kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt của bị hại, Hội đồng xét xử thấy: từ ngày 30/6/2019 đến ngày 20/10/2019, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của bị hại 07 lần, số tiền tổng cộng là 825.000.000đồng nên phạm vào điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức án 12 năm tù là phù hợp. Tuy nhiên, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo L xuất trình tài liệu thể hiện đã nộp 3.000.000đồng để khắc phục một phần thiệt hại cho bị hại. Ngoài ra, bị cáo còn xuất trình tài liệu thể hiện ngày 22/7/2023 bị cáo bị tai nạn giao thông, phải phẫu thuật, hiện tình trạng sức khỏe yếu, đi lại khó khăn. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới nên Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự giảm cho bị cáo một phần hình phạt như đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Đối với kháng cáo của bị hại bà Bùi Thị H1: do kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo được chấp nhận nên kháng cáo của bị hại yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo không được chấp nhận.

[3] Do nội dung kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Huỳnh Thị Ngọc L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Huỳnh Thị Ngọc L. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại bà Bùi Thị H1. Sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Huỳnh Thị Ngọc L 11 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Tiếp tục tạm giữ số tiền 3.000.000đồng của bị cáo Huỳnh Thị Ngọc L đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0007211 ngày 12/9/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí: bị cáo Huỳnh Thị Ngọc L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam (03);
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Nam;
- Công an tỉnh Quảng Nam (03);
- Trại tạm giam CA tỉnh Quảng Nam (03);
- Bị cáo (TTG tổng đạt cho bị cáo);
- Bị hại, Luật sư;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng (ĐTT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Kim Liên